

Máy in HP LaserJet Pro MFP 4103fdn



Tận hưởng tốc độ in nhanh chóng, scan khối lượng lớn và quản lý dễ dàng với LaserJet Pro.

Sở hữu tốc độ in cực cao, scan khối lượng lớn và các công cụ quản lý dễ dàng với LaserJet Pro.



This printer is intended to work only with cartridges that have a new or reused HP chip, and it uses dynamic security measures to block cartridges using a non-HP chip. Periodic firmware updates will maintain the effectiveness of these measures and block cartridges that previously worked. A reused HP chip enables the use of reused, remanufactured, and refilled cartridges. More at: <http://www.hp.com/learn/ds>

Năng suất tối đa

- Hỗ trợ nhóm nhân sự làm việc linh động với mẫu máy in tốc độ cao này, lý tưởng cho tối đa 10 người dùng.
- Nâng tầm quy trình làm việc. Tốc độ in của dòng HP Pro lên đến 42 trang/phút, đủ khả năng đáp ứng các môi trường có nhu cầu in ấn cao. ¹
- Quét cả hai mặt chỉ bằng một đường chuyển duy nhất. Quét hai mặt cho phép người dùng hoàn thành nhiều công việc hơn trong thời gian ngắn hơn.
- Đạt năng suất ngay trong tầm tay của bạn. In ấn và tiết kiệm thời gian với Phím tắt từ HP Smart. ²

Quản lý liền mạch

- Quản lý tập trung tác vụ in. Dễ dàng thực hiện với bộ tính năng của HP Web Jetadmin. ⁴
- Thiết lập máy in nhanh chóng. Quy trình thiết lập tinh giản giúp bạn thiết lập nhanh chóng và quay trở lại công việc chính.
- In không dây ngay cả khi không có mạng, duy trì kết nối bằng mạng Wi-Fi bằng tần kép và Wi-Fi Direct ⁸

Giải pháp bảo mật HP Wolf Pro

- Sở hữu tính năng bảo mật máy in ngay lần đầu sử dụng. Các cài đặt được thiết lập cấu hình sẵn có nghĩa là thiết bị đã sẵn sàng khi bạn cần.
- Thêm một lớp bảo mật. Tùy chọn mã PIN/lệnh pull (kéo) sẽ chỉ xác thực lệnh in của bạn khi bạn có mật.
- Thiết lập chính sách cấu hình và xác thực cài đặt trên toàn cầu với Trình quản lý bảo mật HP Security Manager. ⁹



Optimized performance



HP Web Jetadmin



End to end security

Tổng quan sản phẩm

Máy in HP LaserJet Pro MFP 4103fdw

- 1. Được thiết kế cho các nhóm làm việc với số lượng lên đến 10 người dùng
- 2. Thiết đặt bảo mật được cấu hình sẵn
- 3. USB cắm thẳng
- 4. In hai mặt tự động
- 5. WiFi® băng tần kép với khả năng tự khôi phục, USB và Ethernet
- 6. Tốc độ in lên tới 40 trang/phút A4



Phụ kiện, Vật liệu & Hỗ trợ

Vật tư	W1030XC Hộp mực màu đen HP Black Contract LaserJet (Average cartridge yields 10,000 standard pages. Declared yield value in accordance with ISO/IEC 19752.)
	W1510A Hộp mực in laser màu đen HP 151A LaserJet ((Năng suất hộp mực trung bình 3050 trang tiêu chuẩn. Giá trị năng suất công bố dựa theo tiêu chuẩn ISP/IEC 19752.))
	W1510X Hộp mực in laser màu đen HP 151X LaserJet ((Năng suất hộp mực trung bình 9700 trang tiêu chuẩn. Giá trị năng suất công bố dựa theo tiêu chuẩn ISP/IEC 19752.))
Phụ kiện	D9P29A Khay nạp giấy 550 tờ HP LaserJet Pro
Dịch vụ và Hỗ trợ	U42TYE Dịch vụ vào ngày làm việc tiếp theo trong thời hạn 2 năm dành cho LaserJet Pro MFP 410x của HP U42TZE Dịch vụ vào ngày làm việc tiếp theo trong thời hạn 3 năm dành cho LaserJet Pro MFP 410x của HP U42U2E Dịch vụ 4 giờ 9x5 trong thời hạn 2 năm dành cho LaserJet Pro MFP 410x của HP U42U3E Dịch vụ 4 giờ 9x5 trong thời hạn 3 năm dành cho LaserJet Pro MFP 410x của HP U42U7E Dịch vụ Trả về kho trong thời hạn 3 năm dành cho LaserJet Pro MFP 410x của HP U42U8PE Dịch vụ sau bảo hành vào ngày làm việc tiếp theo trong thời hạn 1 năm dành cho LaserJet Pro MFP 410x của HP U42U9PE Dịch vụ 4 giờ 9x5 sau bảo hành trong thời hạn 1 năm dành cho LaserJet Pro MFP 410x của HP U42V1PE Dịch vụ Trả về kho sau bảo hành trong thời hạn 1 năm dành cho LaserJet Pro MFP 410x của HP U9JT1E Dịch vụ cài đặt với máy in & máy quét cá nhân nối mạng của HP

Thông số kỹ thuật

Model	Máy in HP LaserJet Pro MFP 4103fdn
Mã sản phẩm	22628A
Các chức năng	In, sao chép, chụp quét, fax
Bảng điều khiển	Màn hình cảm ứng màu 2,7 inch
In	
Công nghệ in	Laser
Tốc độ in ¹	Đen trắng (A4, thường): Lên đến 40 trang/phút ; Đen trắng (A4, hai mặt): Lên tới 34 hình ảnh/phút
Trang ra đầu tiên ²	Đen trắng (A4, sẵn sàng): Nhanh 6,3 giây ; Đen trắng (A4, chế độ ngủ): Nhanh 8,8 giây
Độ phân giải in	Đen trắng (tốt nhất): Fine Lines (1200 x 1200 dpi) ; Công nghệ: HP FastRes 1200, HP ProRes 1200, Economode
Chu kỳ hoạt động hàng tháng	Tối đa 80.000 trang A4; Số lượng trang được đề xuất hàng tháng: 750 đến 4.000
Tính năng phần mềm thông minh của máy in ¹	Tự động in hai mặt và in sách khổ nhỏ, in nhiều mảng lên trên một trang giấy, chia bộ trang in, in watermark, chỉ cài đặt trình điều khiển máy in, chế độ Economode giúp tiết kiệm mực, chấp nhận nhiều kích thước và loại giấy khác nhau
Ngôn ngữ in ấn tiêu chuẩn	HP PCL 6, HP PCL 5e, mô phỏng mức 3 postscript HP; PDF, URf, Native Office, PWG Raster
Phông và kiểu chữ	84 phông chữ TrueType có thể thay đổi kích thước
Vùng in	Lệ in Hàng đầu: 4,3 mm, Dưới cùng: 4,3 mm, Trái: 4,3 mm, Phải: 4,3 mm; Vùng in tối đa : 207,4 x 347,1mm
In hai mặt	Tự động (mặc định)
Photocopy	
Tốc độ sao chép	Đen trắng (A4): Lên đến 40 bản sao/phút
Các thông số kỹ thuật của máy photocopy	Bản sao ID; Số lượng bản sao; Kích thước (bao gồm 2 tầng); Sáng bóng/Tối hơn; Cài tiên; Kích thước: Bản gốc; Lề liên kết; Chia bộ; Lựa chọn khay; Hai mặt; Chất lượng (Bản nháp/Bình thường/Tốt nhất); Lưu Cài đặt Hiện tại; Khôi phục cài đặt mặc định; Số bản sao tối đa: Lên đến 9999 bản sao; Thu nhỏ/Phóng to: 25 đến 400%
Scan	
Tốc độ chụp quét ^{1,1}	Bình thường (A4): Tối đa 29 trang/phút hoặc 46 hình/phút (đen & trắng), tối đa 20 trang/phút hoặc 34 hình/phút (màu) ; Hai mặt (A4): Lên tới 46 hình/phút (đen trắng), lên tới 34 hình/phút (màu)
Bình dạng tập tin scan	PDF, JPG, TIFF
Thông số kỹ thuật của máy chụp quét	Loại máy scan: Mặt kính phẳng, ADF; Công nghệ scan: Cảm biến Hình ảnh Tiếp xúc (CIS); Chế độ đầu vào scan: Các nút chụp quét, sao chép, email, fax hoặc tập tin ở bảng điều khiển phía trước; Phần mềm HP Scan; và ứng dụng cho người dùng thông qua TWAIn hoặc WIA; Phiên bản TwaIn: Phiên bản 2.3; Scan ADF hai mặt: Có; Độ phân giải scan quang học: Lên đến 1200 x 1200 dpi
Các tính năng nâng cao của máy scan	Khay nạp tài liệu tự động scan 2 mặt một lần, Scan lên đám mây (Google Drive và Dropbox), Scan sang email bằng tính năng tra cứu địa chỉ email LDAP; Scan sang thư mục mạng, Scan sang USB, Scan sang Microsoft SharePoint®, Scan sang máy tính bằng phần mềm, Lưu trữ fax vào thư mục mạng, Lưu trữ fax vào email, Gửi fax tới máy tính, Bật/Tắt fax, Thiết lập nhanh
Khối lượng scan hàng tháng đề nghị	750 đến 4000
Vùng có thể scan	Kích thước giấy ảnh media tối đa (phẳng): 216 x 297 mm; Kích thước giấy ảnh media tối thiểu (ADF): 102 x 152 mm; Kích thước giấy ảnh media tối đa (ADF): 216 x 356 mm
Độ sâu bit/ Cấp độ hình ảnh thang độ xám	24-bit / 256
Fax	
Fax	Có, 33,6 kbps
Thông số kỹ thuật máy fax	Bộ nhớ fax: Lên đến 400 trang; Độ phân giải fax: Tiêu chuẩn: 203 x 98 dpi; Mìn: Tối đa 203 x 196 dpi; Thường hàng: Lên đến 300 x 300 dpi; Quay số nhanh: Lên đến 200 số
Tính năng phần mềm thông minh đối với fax	Tự động giám kích thước bản fax; Tự động quay số fax; Theo dõi gửi đi trễ; Chuyển tiếp fax; Giao diện TAPI; Cài sẵn; Xác định Vùng Phán biệt; Trang bị; Chặn fax; Mã thanh toán; Lưu và Tải; Bảo cao hoạt động fax; Cài đặt tiên tổ quay số; In nhét kỹ fax; HP Digital Fax
Tốc độ bộ xử lý	
1200 MHz	
Khả năng kết nối	
Tiêu chuẩn	1 USB tốc độ cao 2.0; 1 cổng USB chính phía sau; 1 cổng USB phía trước; Mạng Gigabit Ethernet 10/100/1000BASE-T; 802.3az(EEE)
Khả năng in trên thiết bị di động	Ứng dụng HP Smart; Apple AirPrint™; Có chứng nhận của Mopria™
Hỗ trợ giao thức mạng	TCP/IP; IPv4, IPv6; In: Chế độ trực tiếp 9100 cổng TCP-IP; LPO (chỉ hỗ trợ hàng đơn vị in giao thức Raw), Apple AirPrint™, Mopria, iPP Print; Discovery: SLIP, Bonjour, Web Services Discovery; Cấu hình IP: IPv4 (BootP, DHCP, AutoIP, Manual), IPv6 (Stateless Link-Local và qua Bộ định tuyến, Statefull qua DHCPv6), Quản lý chứng chỉ và bảo mật SSL; Quản lý: SNMPv1, SNMPv2, SNMPv3, HTTP/HTTPS, Syslog, Tải xuống FTP/FW
Khả năng nối mạng	Có, qua 10/100/1000Base-TX Ethernet, Gigabit tích hợp; Ethernet Tự động Đổi chéo; Xác thực thông qua 802.1X
Ổ cứng	
Không	
Bộ nhớ	Tiêu chuẩn: 512 MB; Tối đa: 512 MB
Xử lý giấy ảnh media	
Số khay giấy	Tiêu chuẩn: 2; Tối đa: 3
Loại giấy in	Giấy (loại thường, EcoEFFICIENT, nhẹ, nặng, dính, có màu, tiêu đề thư, in trước, đục lỗ sẵn, tài chề, ráp), phông bì, nháp,
Khổ giấy in	Tùy chỉnh (theo hệ mét): Khay 1: 76,2 x 127 đến 215,9 x 355,6 mm; Khay 2, 3: 104,9 x 148,59 đến 215,9 x 355,6 mm Có hỗ trợ (theo hệ mét): Khay 1: A4; AS; A6; B5 (US); Office (216 x 340 mm); 16K (195 x 270 mm); 16K (184 x 260 mm); 16K (197 x 273 mm); Bưu thiệp Nhật Bản; XóaY Bưu thiệp Nhật Đức; Phông bì số 10; Phông bì Monarch; Phông bì B5; Phông bì CS; Phông bì DL; Cờ Tùy chỉnh; 4 x 6 inch; 5 x 8 inch; Statement; Khay 2 và Khay 3: A4; AS; A6; B5 (US); Office (216 x 340 mm); 16K (195 x 270 mm); 16K (184 x 260 mm); 16K (197 x 273 mm); Cờ Tùy chỉnh; AS-R; 4 x 6 inch; B5 (US) ADF; Letter; Legal; A4; Kích thước tùy chỉnh 102 x 152 to 216 x 356 mm
Xử lý giấy ảnh media	Đầu vào tiêu chuẩn: Khay 1 100 tờ, Khay nạp giấy 2 250 tờ; Khay nạp tài liệu tự động 50 tờ (ADF) Đầu ra tiêu chuẩn: Khay giấy ra 150 tờ Đầu vào tùy chọn: Khay 3 tùy chọn 550 tờ
Trọng lượng giấy ảnh media	Khay 1: 60 đến 200 g/m²; khay 2, khay 3 tùy chọn 550 tờ: 60 đến 120 g/m²
Công suất đầu vào	Khay 1: 56 tờ: 100; Phông bì: Tô Khay 2: 56 tờ: 250 Khay 3: 56 tờ: 550 (tùy chọn) Tối đa: Lên đến 900 tờ (vả khay tùy chọn 550 tờ) ADF: Tiêu chuẩn, 50 tờ
Công suất đầu ra	Tiêu chuẩn: Tối đa 150 tờ Phông bì; Tối đa 10 phông bì Tối đa: Tối đa 150 tờ
Hệ điều hành tương thích	Windows 11; Windows 10; Windows Client OS; Android; iOS; Mobile OS; macOS 10.15 Catalina; macOS 11 Big Sur; macOS 12 Monterey; macOS 13 Ventura; Chrome OS
Các hệ điều hành mạng tương thích	Windows 8; Windows Server; Linux; Citrix; Novell
Yêu cầu hệ thống tối thiểu	Windows: Có sẵn 2 GB dung lượng đĩa cứng; Kết nối Internet hoặc cổng USB; Trình duyệt Internet. Để biết các yêu cầu khác đối với phần cứng của hệ điều hành, vui lòng truy cập microsoft.com; Mac: Có sẵn 2 GB dung lượng ổ cứng; Kết nối Internet hoặc cổng USB; Trình duyệt Internet. Để biết thêm các yêu cầu khác đối với phần cứng của hệ điều hành, vui lòng truy cập apple.com;
Phần mềm đi kèm	Không có giải pháp phần mềm nào được gửi kèm trong Hộp chỉ có trên http://hp.com ; http://123.hp.com ;
Quản lý bảo mật	Bảo mật quản lý: SNMP v1 v2 v3, SSL/TLS (HTTPS), xác thực qua giao thức 802.1x; bảo mật mạng không dây: WPA (Truy cập được bảo vệ bằng Wi-Fi) WPA2 WPA3, mã hóa WEP (64 và 128 bit), xác thực bằng giao thức 802.1x (EAP-PEAP, LEAP, EAP-TLS) với máy chủ RADIUS
Quản lý máy in	HP Printer Assistant; Phần mềm HP Web JetAdmin; Trình quản lý bảo mật HP JetAdvantage; HP SNMP Proxy Agent (Mô phần của HP Web JetAdmin); HP WS Proxy Agent (Mô phần của HP Web JetAdmin); Bộ quản trị tài nguyên máy in cho Trình Điều khiển In Chung HP (Triển ich cấu hình trình điều khiển - Trình điều khiển; Triển ich Triển khai - Quản trị; viên in ấn được; quản lý)
Kích thước và trọng lượng	
Kích thước máy in (R x S x C)	Tối thiểu: 420 x 390 x 323 mm; Tối đa: 430 x 634 x 325 mm
Trọng lượng máy in	12,6 kg
Môi trường hoạt động	Nhiệt độ: 10 đến 32,5°C Độ ẩm: 30 đến 70% RH
Điều kiện lưu trữ	Nhiệt độ: -20 đến 40°C
Âm thanh	Phát xạ công suất âm thanh: 6,7 B(A) Phát xạ áp suất âm thanh: 54 dB(A)
Nguồn điện	Yêu cầu: Điện áp đầu vào 110 vôn: 110 đến 127 VAC (+/- 10%), 50/60 Hz (+/- 2 Hz); Điện áp đầu vào 220 vôn: 220 đến 240 VAC (+/- 10%), 50/60 Hz (+/- 2 Hz) (không có điện áp kép, sản phẩm khác nhau theo từng số hiệu bộ phận với Số nhận dạng mã tùy chọn); Tiêu thụ: 510 watt (chế độ in hoạt động), 7,5 watt (chế độ sẵn sàng), 0,9 watt (chế độ ngủ), 0,9 watt (chế độ chờ), 0,9 watt (Chế độ Tắt Tự động/Đánh thức khi kết nối LAN, kích hoạt khi vận chuyển), 0,06 watt (Chế độ Tắt Tự động/Bật Thủ công), 0,06 (Chế độ Tắt Thủ công); Mức tiêu thụ Điện hình (TEC)¹⁰: 0,40 kWh/tuần (Blue Angel); 0,44 kWh/tuần (Energy Star 3.0); Mức tiêu thụ Điện: Nguồn điện bên trong (Tích hợp sẵn)
Công nghệ tiết kiệm năng lượng	Công nghệ HP Auto-On/Auto-Off; Công nghệ Instant-On; Mực in laser màu đến EcoSmart
Chứng nhận	RCM (ĐC), TUV và GS Mark (ĐC), BSMI (Bà Loan), CCC (Trung Quốc), BIS (Ấn Độ), KC (Hàn Quốc), SIRIM (Malaysia), Campuchia, Ukraine, EAC, Phê duyệt bởi Đông Á, Chứng nhận CE, FCC, Energy Star; UL, Paraguay, Chile, Argentina, Indonesia, Singapore, Philippines, v.v. Tiêu chuẩn phát xạ điện từ: CISPR 32:2015 Loại B / EN 55032:2015 Loại B; CISPR 35:2016 / EN 55035:2017 Loại B; EN IEC 61000-3-2:2019; EN 61000-3-3:2013+A1:2019; EN 61000-4-1:2016; FCC CFR 47 Phần 15 Loại B, ICES-003, Mục 7 Loại B Tuyên bố IT ECO Tuần thủ Blue Angel[®] Không, vui lòng tham khảo tài liệu EQ (Thông tin so sánh nhãn hiệu) Tuần thủ quy định không: ETSI EN 301 489-1 V2.2.3; ETSI EN 301 489-17 V3.2.4
Thông số kỹ thuật tác động bền vững	Có thể tài chế thông qua HP Planet Partners; Chứa nhựa tái chế sau tiêu dùng
Xuất xứ	Sản xuất tại Brazil; Sản xuất tại Trung Quốc; Sản xuất tại Ấn Độ
Trong hộp có gì ²	22628A Hộp mực HP LaserJet chính hãng màu đen (-3.050 trang); Hướng dẫn bắt đầu; Tờ rơi hỗ trợ; Hướng dẫn bảo hành; Tờ rơi về quy định; Dây nguồn; Cáp USB (chỉ dùng cho Điểm truy cập & Không dây)
Bảo hành	Bảo hành sửa chữa tại chỗ/hoà trong một năm. Các tùy chọn bảo hành và hỗ trợ khác nhau tùy theo sản phẩm, yêu cầu pháp lý của quốc gia và địa phương. Hãy liên hệ Người bán trong hộp đồng hoặc truy cập hp.com/support để tìm hiểu về các tùy chọn dịch vụ và hỗ trợ giành được giá thường của HP tại khu vực của bạn. (mà bảo hành 4E; ID bảo hành A033)

Ghi chú

¹ Được đo theo tiêu chuẩn ISO/IEC 24734, không bao gồm bộ tài liệu kiểm tra đầu tiên. Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập hp.com/go/printerclaims. Tốc độ chính xác thay đổi theo cấu hình hệ thống, ứng dụng phần mềm, trình điều khiển và độ phức tạp của tài liệu.

² Yêu cầu ứng dụng HP, có thể tải về tại www.hp.com/go/mobileprinting. Một số tính năng chỉ có bằng ngôn ngữ tiếng Anh và có thể khác nhau tùy theo quốc gia/mẫu máy in, cũng như giữa ứng dụng trên máy tính và trên thiết bị di động. HP có quyền tính phí sử dụng chức năng được hỗ trợ qua ứng dụng HP. Yêu cầu truy cập Internet và có thể không được hỗ trợ ở một số quốc gia. Cần có tài khoản HP để sử dụng đầy đủ chức năng. Chức năng fax hiện chỉ hỗ trợ gửi fax. Danh sách hệ điều hành được hỗ trợ có trên cửa hàng ứng dụng. Xem thông tin chi tiết tại www.hpsmart.com.

³ Có thể tải xuống HP Web Jetadmin miễn phí tại hp.com/go/webjetadmin.

⁴ Tính toán của HP dựa trên dữ liệu TEC chuẩn hóa ENERGY STAR® giúp so sánh các máy in dòng HP LaserJet 200-500 khi ra mắt. Vui lòng tham khảo tại hp.com/ecosmart

⁵ Các khả năng của Công nghệ Bật/Tắt Tự động của HP thay đổi tùy theo máy in và cài đặt; có thể cần nâng cấp firmware.

⁷ Tải chế: Phạm vi cung cấp của chương trình có thể khác nhau. Dịch vụ trả lại và tải chế hộp mực HP Chính hãng hiện đang có mặt tại hơn 60 quốc gia, vùng lãnh thổ và khu vực ở Châu Á, Châu Phi, Châu Âu cũng như Bắc và Nam Mỹ thông qua chương trình HP Planet Partners. Để biết thông tin chi tiết, vui lòng truy cập hp.com/recycle.

⁸ Yêu cầu truy cập Internet và phải mua riêng. Hoạt động không dây chỉ tương thích với hoạt động 2,4 GHz và 5,0 GHz. Hỗ trợ cả 5,0 GHz và 2,4 GHz đúng tới 12 kênh không chồng chéo so với chỉ 3 kênh không chồng chéo của 2,4 GHz. Hỗ trợ băng tần 5,0 GHz (tối đa 150 mbps) so với băng tần 2,4 GHz (tối đa 72,2 mbps). Vui lòng tìm hiểu thêm tại: www.hp.com/go/mobileprinting

⁹ Trình quản lý bảo mật HP JetAdvantage phải được mua riêng. Để tìm hiểu thêm, vui lòng truy cập hp.com/go/securitymanager.

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm về thông số kỹ thuật

¹ Tính năng Lưu trữ lệnh in cần phải mua ổ USB flash riêng biệt với dung lượng tối thiểu là 16 GB.

² Để biết thông tin về năng suất trên hộp mực đi kèm máy in của bạn, hãy truy cập <http://www.hp.com/go/toneryield>. Giá trị năng suất được đo theo tiêu chuẩn ISO/IEC 19752 và ở chế độ in liên tục. Năng suất thực tế thay đổi đáng kể tùy theo hình ảnh được in và các yếu tố khác.

³ Yêu cầu tiết kiệm mực in – Dựa trên chi phí đăng ký hàng tháng của dịch vụ mực đơn sắc HP Instant Ink gói 1.500 trang mà không cần mua thêm

⁴ Hiệu suất công bố dựa trên ISO/IEC 19752 và chế độ in liên tục. Năng suất thực tế thay đổi đáng kể tùy theo hình ảnh được in và các yếu tố khác. Để biết chi tiết, truy cập <http://www.hp.com/go/toneryield>

⁵ Đã đăng ký EPEAT® trong trường hợp áp dụng. Việc đăng ký EPEAT tùy thuộc vào quốc gia. Vui lòng truy cập <http://www.epeat.net> để biết trạng thái đăng ký theo quốc gia.

⁶ Được đo bằng Kiểm thử hiệu suất tính năng theo tiêu chuẩn ISO/IEC 24734 không bao gồm bộ tài liệu kiểm thử đầu tiên. Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập <http://www.hp.com/go/printerclaims>. Tốc độ chính xác thay đổi theo cấu hình hệ thống, ứng dụng phần mềm, trình điều khiển và độ phức tạp của tài liệu.

⁷ Được đo theo tiêu chuẩn ISO/IEC 24734, không bao gồm bộ tài liệu kiểm tra đầu tiên. Để biết thêm thông tin, hãy xem <http://www.hp.com/go/printerclaims>. Tốc độ chính xác thay đổi tùy thuộc vào cấu hình hệ thống, ứng dụng phần mềm, trình điều khiển và độ phức tạp của tài liệu.

⁸ Được đo theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17629. Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập <http://www.hp.com/go/printerclaims>. Tốc độ chính xác thay đổi theo cấu hình hệ thống, ứng dụng phần mềm, trình điều khiển và độ phức tạp của tài liệu.

⁹ Yêu cầu về nguồn điện dựa trên quốc gia/khu vực bán máy in. Không chuyển đổi điện áp hoạt động. Hành động này sẽ làm hỏng máy in và làm mất hiệu lực bảo hành của sản phẩm. Giá trị Energy Star thường dựa trên kết quả đo lường của thiết bị 115 V, giá trị Blue Angel dựa trên kết quả đo lường của thiết bị 230 V. Xin lưu ý các sản phẩm thuộc dòng HP LaserJet Pro 4001 và Máy in đa chức năng 4101 được chứng nhận ENERGY STAR 3.0 tại Hoa Kỳ và các sản phẩm dòng HP LaserJet Pro 4003 và Máy in đa chức năng 4103 tương đương về mặt chức năng đáp ứng các tiêu chuẩn nhân sinh thái về hiệu suất năng lượng.

¹⁰ Mức Tiêu thụ Điện năng Điện hình (TEC) thể hiện lượng điện năng điển hình mà sản phẩm tiêu thụ trong 1 tuần, được đo bằng kilowatt-giờ (kWh).

¹¹ Tốc độ quét đo được từ ADF. Tốc độ xử lý thực tế có thể khác nhau tùy thuộc vào độ phân giải quét, tình trạng mạng, hiệu suất máy tính và phần mềm ứng dụng.

